

Số: 113 /KH-UBND

Thị xã Duyên Hải, ngày 15 tháng 9 năm 2023

## KẾ HOẠCH

### Tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2023 trên địa bàn thị xã Duyên Hải

Thực hiện Kế hoạch số 83/KH-UBND ngày 30/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải xây dựng Kế hoạch tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2023 trên địa bàn thị xã Duyên Hải, cụ thể như sau:

#### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

##### 1. Mục đích

- Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo năm 2023; xác định và lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội năm 2023 và hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội khác giai đoạn 2024 - 2025.

- Xác định được hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu theo mức chuẩn quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ và Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

##### 2. Yêu cầu

- Công tác tổ chức, thu thập thông tin, phân loại hộ gia đình, tổng hợp phải thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy trình điều tra, rà soát tại Kế hoạch này.

- Quá trình tổ chức điều tra, rà soát phải đảm bảo tính chính xác, dân chủ, công khai, công bằng, có sự tham gia của người dân.

- Việc quản lý, sử dụng kinh phí điều tra, rà soát bảo đảm đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

#### II. PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA, RÀ SOÁT

1. Đối tượng điều tra, rà soát: Toàn bộ hộ dân cư sinh sống trên địa bàn thị xã.

2. Phạm vi điều tra, rà soát: Tiến hành trên phạm vi toàn thị xã.

### 3. Phương pháp điều tra, rà soát

**3.1. Phương pháp điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo:** Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo bảo đảm phù hợp với chuẩn nghèo đa chiều theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ.

**3.2. Phương pháp xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu:** Xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

**4. Thời gian điều tra, rà soát:** Thực hiện từ ngày 22 tháng 9 đến hết ngày 20 tháng 11 năm 2023.

### 5. Tiêu chí xác định các đối tượng

**5.1. Tiêu chí xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình theo chuẩn nghèo đa chiều quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ:**

#### a) Hộ nghèo:

- Khu vực nông thôn (Ở 05 xã): Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Khu vực thành thị (Ở 02 phường): Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

#### b) Hộ cận nghèo:

- Khu vực nông thôn (Ở 05 xã): Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

- Khu vực thành thị (Ở 02 phường): Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

#### c) Hộ có mức sống trung bình:

- Khu vực nông thôn (ở 05 xã): Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

- Khu vực thành thị (02 phường): Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

#### 5.2. Tiêu chí xác định hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo:

**a) Hộ thoát nghèo:** Là hộ nghèo thuộc danh sách do xã, phường đang quản lý trước thời điểm điều tra, rà soát nhưng qua điều tra, rà soát được xác định không thuộc nhóm đối tượng hộ nghèo theo tiêu chí về xác định hộ nghèo

và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định công nhận là hộ thoát nghèo. Hộ thoát nghèo bao gồm:

- Hộ thoát nghèo và trở thành hộ cận nghèo.

- Hộ thoát nghèo vượt qua mức chuẩn hộ cận nghèo là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ mức sống trung bình trở lên (Khu vực nông thôn: Trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng; Khu vực thành thị: Trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng).

**b) Hộ thoát cận nghèo:** Là hộ cận nghèo thuộc danh sách do xã, phường đang quản lý trước thời điểm điều tra, rà soát nhưng qua điều tra, rà soát được xác định không thuộc nhóm đối tượng hộ cận nghèo theo tiêu chí về xác định hộ cận nghèo và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định công nhận là hộ thoát cận nghèo.

**c) Hộ cận nghèo trở thành hộ nghèo:** Là hộ cận nghèo thuộc danh sách địa phương quản lý trước thời điểm điều tra, rà soát nhưng qua điều tra, rà soát được xác định, phân loại là hộ nghèo và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định công nhận là hộ nghèo.

**5.3. Tiêu chí xác định hộ có thu nhập khá, giàu theo mức chuẩn quy định tại Quyết định số 1326/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh:**

**a) Hộ có thu nhập khá:**

- Khu vực nông thôn (Ở 05 xã): Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.250.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

- Khu vực thành thị (Ở 02 phường): Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 3.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng.

**b) Hộ có thu nhập giàu:**

- Khu vực nông thôn (Ở 05 xã): Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 10.000.000 đồng.

- Khu vực thành thị (Ở 02 phường): Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 12.000.000 đồng.

**5.4. Tiêu chí phân tích hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu theo các nhóm đối tượng:**

**a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo không có khả năng lao động:** Là hộ không có thành viên trong độ tuổi lao động hoặc có thành viên trong độ tuổi lao động nhưng mất khả năng lao động.

**b) Hộ nghèo, hộ cận nghèo có đối tượng người có công với cách mạng:** Là hộ có ít nhất một thành viên trong hộ là người có công với cách mạng đang hưởng chính sách trợ cấp ưu đãi hằng tháng.

**c) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, hộ có thu nhập giàu dân tộc thiểu số:** Là hộ có chủ hộ hoặc có vợ, chồng của chủ hộ là đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định của pháp luật.

## **6. Các bước thực hiện điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2023**

### **6.1. Bước 1. Công tác chuẩn bị điều tra, rà soát:**

- Tổ chức phổ biến, tuyên truyền rộng rãi về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu và nội dung Kế hoạch điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2023 trên các phương tiện truyền thông để người dân biết, tham gia thực hiện.

- Rà soát, kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu cấp thị xã và các xã, phường (nếu có).

- Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí tổ chức điều tra, rà soát.

- Tổ chức lực lượng Rà soát viên thực hiện điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu trên địa bàn.

- Tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch điều tra, rà soát; hội nghị tập huấn quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu trên địa bàn thị xã.

### **6.2. Bước 2. Chỉ đạo, tổ chức điều tra, rà soát và phân loại hộ gia đình:**

#### **a) Lập danh sách hộ gia đình cần điều tra, rà soát:**

Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, phường chủ trì, phối hợp với ấp, khóm và Rà soát viên lập danh sách hộ gia đình cần rà soát theo địa bàn ấp, khóm, gồm:

- Danh sách hộ gia đình rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo (**Danh sách 01 - Phụ lục I**), gồm:

+ Toàn bộ hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân xã, phường đang quản lý tại thời điểm rà soát.

+ Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (Theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ) sau khi nhận dạng nhanh đặc điểm hộ gia đình theo Phiếu A, có dưới 04 tiêu chí.

- Danh sách hộ gia đình rà soát, xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu (**Danh sách 02 - Mẫu số 9.1**): Các hộ gia đình còn lại trên địa bàn, ngoài các hộ đã đưa vào danh sách điều tra, rà soát tại Danh sách 01.

#### **b) Tổ chức điều tra, rà soát:**

Ban Chỉ đạo rà soát xã, phường chủ trì, phối hợp với ấp, khóm và Rà soát viên thu thập thông tin, tính điểm hộ gia đình như sau:

- Sử dụng Phiếu B (Theo Phụ lục III và Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH) để thu thập thông tin, tính điểm, tổng hợp đối với những hộ đã lập danh sách điều tra, rà soát tại Danh sách số 01.

- Sử dụng Phiếu rà soát, xác định hộ gia đình có mức sống trung bình, có thu nhập khá, giàu để xác định thu nhập đối với những hộ gia đình đã lập danh sách điều tra, rà soát tại Danh sách số 02.

**c) Tổng hợp, phân loại hộ gia đình dựa trên kết quả điều tra, rà soát:**

Rà soát viên cập nhật kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu vào 02 danh sách đã lập để điều tra, rà soát (Danh sách 01 - Phụ lục I và Danh sách 02 - Mẫu số 9.1) và thực hiện phân loại hộ gia đình theo các tiêu chí của từng nhóm đối tượng sau:

**\* Xác định, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và hộ thoát cận nghèo (Các hộ gia đình trong Danh sách 01 - phụ lục I):**

- Hộ nghèo:

+ Hộ nghèo khu vực nông thôn: Hộ có điểm A (B1)  $\leq$  140 điểm và điểm B (B2)  $\geq$  30 điểm.

+ Hộ nghèo khu vực thành thị: Hộ có điểm A (B1)  $\leq$  175 điểm và điểm B (B2)  $\geq$  30 điểm.

- Hộ cận nghèo:

+ Hộ cận nghèo khu vực nông thôn: Hộ có điểm A (B1)  $\leq$  140 điểm và điểm B (B2)  $<$  30 điểm.

+ Hộ cận nghèo khu vực thành thị: Hộ có điểm A (B1)  $\leq$  175 điểm và điểm B (B2)  $<$  30 điểm.

- Hộ nghèo thoát nghèo, gồm 02 loại:

+ Hộ thoát nghèo và trở thành hộ cận nghèo.

+ Hộ thoát nghèo vượt qua mức chuẩn hộ cận nghèo là hộ có điểm B1  $>$  140 điểm đối với khu vực nông thôn và hộ có điểm B1  $>$  175 điểm đối với khu vực thành thị.

- Hộ thoát cận nghèo: Hộ thoát cận nghèo khu vực nông thôn là hộ có điểm B1  $>$  140 điểm. Hộ cận nghèo khu vực thành thị là hộ có điểm B1  $>$  175 điểm.

Trường hợp, qua điều tra, rà soát và phân loại hộ gia đình trong Danh sách 01 - phụ lục I; nếu có hộ gia đình không đáp ứng đủ tiêu chí của hộ nghèo, hộ cận nghèo (Kết quả phân loại là hộ không nghèo, không cận nghèo) thì Rà soát viên lập bổ sung những hộ này vào Danh sách 02 - Mẫu số 9.1 để tiếp tục rà soát, xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu.

**\* Xác định, phân loại hộ gia đình có mức sống trung bình, có thu nhập khá, giàu (Các hộ gia đình trong Danh sách 02 - Mẫu số 9.1):**

- Hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, hộ có thu nhập giàu thực hiện theo tiêu chí xác định tại điểm 5.1, 5.3 khoản 5 Mục II Kế hoạch này.

- Trường hợp, sau khi rà soát, xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu theo Danh sách số 02 - Mẫu số 9.1; nếu kết quả rà soát, xác định có hộ gia đình có mức thu nhập bình quân đầu người/tháng dưới mức chuẩn của hộ có mức sống trung bình thì Rà soát viên sử dụng **Bảng chấm điểm Phiếu B1** (Mẫu số 3.4 áp dụng cho khu vực thành thị và Mẫu số 3.10 áp dụng cho khu vực nông thôn theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH) để chấm điểm tài sản của hộ gia đình; kết quả chấm điểm, nếu hộ có điểm B1 > 140 điểm (đối với khu vực nông thôn) hoặc hộ có điểm B1 > 175 điểm (đối với khu vực thành thị) thì phân loại hộ gia đình đó là hộ có mức sống trung bình (Hồ sơ lưu trữ gồm: Phiếu rà soát, xác định hộ gia đình có mức sống trung bình, có thu nhập khá, giàu và Bảng chấm điểm Phiếu B1).

**\*Ghi chú:** Trong đợt điều tra, rà soát định kỳ này, nếu trên địa bàn có hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật cư trú<sup>(1)</sup> làm việc trong các lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp và diêm nghiệp có giấy đề nghị xác định hộ có mức sống trung bình theo mẫu quy định để làm cơ sở tham gia bảo hiểm y tế thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường chỉ đạo Ban Chỉ đạo Rà soát của xã, phường vừa thực hiện quy trình rà soát quy định tại Kế hoạch này, vừa tổ chức xác định thu nhập của hộ gia đình theo phiếu khảo sát và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình quy định tại Hướng dẫn 931/HD-SLĐTBXH ngày 09/5/2022 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội để đảm bảo đúng quy định khi xác định đối tượng thực hiện chính sách của Trung ương.

### **6.3. Bước 3: Tổ chức kiểm tra, phúc tra lại kết quả điều tra, rà soát:**

- Trên cơ sở kết quả phân loại hộ gia đình trên địa bàn, Ban Chỉ đạo rà soát xã, phường tổng hợp, báo cáo sơ bộ kết quả điều tra, rà soát gửi về Thường trực Ban Chỉ đạo rà soát thị xã (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp, báo cáo Trưởng Ban chỉ đạo, Ủy ban nhân dân thị xã báo cáo Ban Chỉ đạo rà soát cấp tỉnh (Qua Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Căn cứ báo cáo kết quả điều tra, rà soát sơ bộ của Ban Chỉ đạo rà soát xã, phường. Ban Chỉ đạo rà soát thị xã trực tiếp hoặc phối hợp với Văn phòng Ban Chỉ đạo giảm nghèo tỉnh (Đơn vị được Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phân công giúp việc cho Ban Chỉ đạo rà soát cấp tỉnh) tổ chức kiểm tra, phúc tra lại kết quả điều tra, rà soát của xã, phường khi xét thấy kết quả điều tra, rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

### **6.4. Bước 4. Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả điều tra, rà soát:**

Sau khi Ban Chỉ đạo thị xã tổ chức kiểm tra, phúc tra lại kết quả điều tra, rà soát trên địa bàn (nếu có) thì Ủy ban nhân dân xã, phường chỉ đạo tổ chức

<sup>1</sup> Hộ gia đình tham gia bảo hiểm y tế là những người cùng đăng ký thường trú hoặc cùng đăng ký tạm trú tại một chỗ ở hợp pháp theo quy định của pháp luật về cư trú.

hợp dân để thống nhất kết quả điều tra, rà soát trên địa bàn, với thành phần và nội dung như sau:

**a) Thành phần cuộc họp:** Ban Chỉ đạo rà soát xã, phường, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo xã, phường, Trưởng ban Nhân dân ấp, khóm (Chủ trì họp), Bí thư Chi bộ ấp, khóm, đoàn thể, Rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường giám sát.

**b) Nội dung cuộc họp:**

- Lấy ý kiến **thống nhất của ít nhất 50%** tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (*Chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo*). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50% thì thực hiện điều tra, rà soát lại theo quy trình từ bước 2 đến bước 4.

Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản (*Theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH*), có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở ấp, khóm, 01 bản gửi báo cáo Ban Chỉ đạo rà soát xã, phường để tổng hợp).

- Đối với kết quả điều tra, rà soát và phân loại hộ gia đình có mức sống trung bình, có thu nhập khá, giàu: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả xác định thu nhập và phân loại hộ gia đình có mức sống trung bình, có thu nhập khá, giàu trên địa bàn.

Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản (Theo Mẫu 9.3) có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở ấp, khóm, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát xã, phường).

**6.5. Bước 5. Niêm yết, thông báo công khai:**

- Niêm yết công khai kết quả điều tra, rà soát tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng ấp, khóm và trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường; thông báo qua đài truyền thanh xã, phường (nếu có) trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát xã, phường tổ chức phúc tra kết quả điều tra, rà soát theo đúng quy trình điều tra, rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng ấp, khóm và trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát xã, phường tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường về các danh sách (Sau khi rà soát), gồm:

+ Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo sau khi rà soát (*Mẫu số 6.1*).

+ Danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo sau khi rà soát (*Mẫu số 6.2*).

- + Danh sách hộ có mức sống trung bình (Mẫu số 9.4).
- + Danh sách hộ có thu nhập khá, giàu (Mẫu số 9.5).

**6.6. Bước 6. Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã:**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã về kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu trên địa bàn.
- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã xem xét và có ý kiến trả lời bằng văn bản.

**6.7. Bước 7. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo; hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu:**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường tiếp thu ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã để ban hành các quyết định, gồm:

- Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, danh sách hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo theo chuẩn nghèo theo Mẫu số 02.
- Quyết định công nhận danh sách hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu theo Mẫu số 9.6.

Sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định công nhận các danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu trên địa bàn thì thực hiện niêm yết công khai các danh sách trên tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường; thực hiện cấp Giấy chứng nhận cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo theo đúng hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 2816/SLĐTBXH-VPBCĐGN ngày 13/12/2021 để phục vụ công tác quản lý đối tượng và thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo của Nhà nước. Cập nhật kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 trên địa bàn vào danh sách quản lý theo Phụ lục số 12, Phụ lục số 13 bằng Microsoft Excel (**Hoàn thành trước ngày 05/12/2023**).

**6.8. Bước 8. Tổng hợp, báo cáo kết quả điều tra, rà soát:**

- Ủy ban nhân dân xã, phường báo cáo Ủy ban nhân dân thị xã kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và kết quả xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu trên địa bàn sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường ban hành quyết định công nhận các danh sách trên địa bàn.
- Ủy ban nhân dân thị xã căn cứ báo cáo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và kết quả xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu của Ủy ban nhân dân xã, phường tiến hành tổng hợp, ban hành quyết định phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu trên địa bàn thị xã và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng hệ thống biểu mẫu, thời gian quy định. Cụ thể:

+ Báo cáo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP: Quyết định



công nhận danh sách theo mẫu số 02 và các mẫu, biểu tổng hợp theo quy định tại Phụ lục VII (*Các mẫu số: 7.1, 7.2, 7.3, 7.4, 7.5, 7.6, 7.7, 7.8, 7.9, 7.10, 7.11*) và Phụ lục số 8A, 8B (*Riêng Phụ lục số 8A, 8B tổng hợp số liệu đến ấp, khóm*).

+ Báo cáo kết quả điều tra, rà soát hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu: Quyết định công nhận danh sách theo mẫu số 9.6 và các mẫu, biểu tổng hợp số liệu đến ấp, khóm theo các mẫu số: 9.7, 9.8, 9.9.

## **7. Chế độ báo cáo**

**7.1. Báo cáo tiến độ thường xuyên: Trước 16 giờ Thứ Tư hàng tuần**, các xã, phường tổng hợp tiến độ điều tra, rà soát trên địa bàn theo Phụ lục số 10 báo cáo về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (Thường trực Ban Chỉ đạo rà soát thị xã) để tổng hợp và báo cáo về Văn phòng Ban Chỉ đạo giảm nghèo tỉnh (đơn vị giúp việc cho Ban Chỉ đạo rà soát cấp tỉnh).

**7.2. Báo cáo kết quả sơ bộ: Trước ngày 20/10/2023**, Ủy ban nhân dân các xã, phường gửi báo cáo sơ bộ kết quả điều tra, rà soát trên địa bàn theo Phụ lục số 11 về Ban Chỉ đạo rà soát thị xã (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo rà soát cấp tỉnh.

**7.3. Báo cáo kết quả chính thức: Chậm nhất ngày 20/11/2023**, Ủy ban nhân dân các xã, phường gửi báo cáo chính thức kết quả điều tra, rà soát trên địa bàn theo hệ thống biểu, mẫu quy định tại Mục 6.8 Kế hoạch này kèm báo cáo tổng kết theo mẫu số 04 về Ban Chỉ đạo rà soát thị xã (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã phê duyệt và báo cáo kết quả chính thức về Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

**7.4. Báo cáo Danh sách quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023: Chậm nhất ngày 10/12/2023**, Ủy ban nhân dân xã, phường tổng hợp các file Danh sách quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023 (Phụ lục số 12, Phụ lục số 13) gửi Ban Chỉ đạo rà soát thị xã (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp và gửi Ban Chỉ đạo rà soát tỉnh (Sở Lao động - Thương binh và Xã hội); quản lý, theo dõi, trích xuất dữ liệu khi cần để phục vụ công tác giảm nghèo.

## **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

**1. Kinh phí thực hiện điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2023** do ngân sách Nhà nước đảm bảo theo quy định của pháp luật về ngân sách Nhà nước.

**2. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí** được thực hiện theo Nghị quyết số 59/2018/NQ-HĐND ngày 04/5/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh, quy định nội dung, mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra, thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia; Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC

ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra, thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia và các văn bản có liên quan.

3. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí cụ thể cho các hoạt động của cuộc điều tra, rà soát theo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tế; thực hiện chi trả đúng định mức, đúng đối tượng, đảm bảo chất lượng công việc được giao và chấp hành đúng các quy định về chế độ tài chính.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Thường trực Ban Chỉ đạo rà soát thị xã (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội)**

- Chủ trì, hướng dẫn tổ chức điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2023 trên địa bàn thị xã; theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các xã, phường thực hiện công tác điều tra, rà soát theo đúng quy trình và đúng thời hạn quy định.

- Phối hợp với Văn phòng Ban Chỉ đạo giảm nghèo tỉnh tổ chức tập huấn quy trình và bộ công cụ điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2023 cho Ban Chỉ đạo rà soát thị xã, xã, phường và lực lượng tham gia công tác điều tra, rà soát.

- Chỉ đạo Tổ chuyên viên giúp việc cho Ban Chỉ đạo rà soát thị xã thường xuyên hỗ trợ, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát địa phương trong suốt quá trình tổ chức công tác điều tra, rà soát từ khâu tổ chức tập huấn đến khi kết thúc đợt điều tra, rà soát.

- Kiểm tra và tổ chức phúc tra kết quả điều tra, rà soát của xã, phường trong trường hợp xét thấy kết quả điều tra, rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của xã, phường hoặc có đơn thư khiếu nại.

- Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thị xã phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2023, tổng hợp báo cáo kết quả xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2023 và báo cáo Ban Chỉ đạo rà soát tỉnh theo quy định tại Điều 7 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

##### **2. Các phòng, ban, ngành, đoàn thể thị xã**

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị; trong hội viên, đoàn viên và Nhân dân về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu và nội dung Kế hoạch điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2023 trên các phương tiện truyền thông để người dân biết, tham gia thực hiện.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ do ngành phụ trách, phối hợp với Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận

nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2023 trên địa bàn thị xã.

### 3. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Rà soát, củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu của xã, phường để đảm bảo thành phần triển khai thực hiện công tác điều tra, rà soát trên địa bàn.

- Xây dựng Kế hoạch điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2023 trên địa bàn.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu và nội dung Kế hoạch điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2023 trên các phương tiện truyền thông để người dân biết, tham gia thực hiện.

- Tổ chức lực lượng Rà soát viên thực hiện điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu trên địa bàn gồm: Cán bộ, công chức, người hoạt động bán chuyên trách cấp xã, phường; người công tác ở ấp, khóm có kinh nghiệm phỏng vấn, khai thác thông tin, có tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, nhiệt tình, biết làm công tác quần chúng, am hiểu đặc điểm của địa phương (*Tùy theo điều kiện thực tế của từng địa phương, bố trí ít nhất 02 Rà soát viên/ấp, khóm; ưu tiên chọn người công tác ở cấp xã<sup>(2)</sup>. Lưu ý: Việc bố trí, phân công Rà soát viên phải đảm bảo chất lượng, đủ số lượng, đủ năng lực để thực hiện điều tra, rà soát đạt hiệu quả, đúng theo tiến độ và thời gian quy định*).

- Mời Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp chủ trì, giám sát việc thực hiện Tổng điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2023 trên địa bàn.

- Cập nhật kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn vào danh sách quản lý theo quy định.

- Lưu trữ hồ sơ liên quan đến công tác Tổng điều tra, rà soát trên địa bàn theo quy định của pháp luật để phục vụ cho công tác kiểm tra, giải quyết khiếu nại và thanh tra, kiểm toán.

- Phối hợp với Ban Chỉ đạo, tổ giúp việc cấp tỉnh, thị xã tổ chức kiểm tra, phúc tra lại kết quả điều tra, rà soát của xã, phường khi xét thấy kết quả điều tra, rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc đơn thư khiếu nại (nếu có).

- Phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2023 trên địa bàn (*Theo mẫu Quyết định ban hành kèm theo Kế hoạch này*) và báo cáo Chủ tịch

<sup>(2)</sup> Bố trí, phân công ít nhất 50% Rà soát viên trên địa bàn là người công tác ở cấp xã để đảm bảo tính khách quan trong quá trình tổ chức điều tra, rà soát và đáp ứng cho công tác tổng hợp, báo cáo trên địa bàn. Không phân công Trưởng Ban nhân dân ấp/khóm làm Rà soát viên, vì Trưởng Ban nhân dân là người chủ trì cuộc họp dân để thông qua kết quả điều tra, rà soát trên địa bàn ấp/khóm.

Ủy ban nhân dân thị xã (Qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) theo thời gian và hệ thống biểu mẫu quy định.

**4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị xã:** Chủ trì, giám sát việc thực hiện điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2023 trên địa bàn thị xã; chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường và các tổ chức thành viên tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giám sát việc thực hiện quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu nhằm đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, đúng đối tượng theo quy định.

Đề nghị Ban Chỉ đạo rà soát thị xã, Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện tốt Kế hoạch này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Thường trực Ban Chỉ đạo rà soát thị xã (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) để tổng hợp báo cáo Trưởng ban Chỉ đạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- BCD rà soát tỉnh (b/c);
- TT Thị ủy; TT HĐND thị xã (b/c)
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Ủy ban MTTQVN thị xã;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể thị xã;
- TV BCD và Tổ giúp việc thị xã;
- UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu VT, VX.

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lao Thị Hồng Gấm

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC BIỂU MẪU, PHIẾU ĐIỀU TRA, RÀ SOÁT**  
*(Kèm theo Kế hoạch số 113 /KH-UBND ngày 15 /9/2023*  
*của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải)*

STT	Nội dung
<b>I</b>	<b>BIỂU MẪU, PHIẾU ĐIỀU TRA, RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HCN</b>
1	Mẫu số 01: Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo
2	Danh sách 01 (Phụ lục I): Danh sách hộ gia đình cần rà soát
3	Phiếu A: Nhận dạng nhanh hộ gia đình
4	Mẫu số 3.1 (Phiếu B1): Thông tin chung về hộ gia đình
5	Mẫu số 3.2 (Phiếu B2): Thông tin hộ gia đình về các chỉ tiêu nhu cầu xã hội cơ bản
6	Mẫu số 3.11: Bảng điểm chỉ tiêu dinh dưỡng
7	Mẫu số 3.4: Bảng chấm điểm Phiếu B1 khu vực thành thị
8	Mẫu số 3.10: Bảng chấm điểm Phiếu B1 khu vực nông thôn đồng bằng sông Cửu Long
9	Phụ lục IV: Hướng dẫn sử dụng Phiếu A, Phiếu B
10	Phụ lục V: Biên bản kết quả họp dân để thống nhất kết quả rà soát
11	Mẫu số 6.1: Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo sau khi rà soát
12	Mẫu số 6.2: Danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo sau khi rà soát
13	Mẫu số 03: Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo
<b>II</b>	<b>BIỂU MẪU, PHIẾU ĐIỀU TRA, RÀ SOÁT HỘ CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH, HỘ CÓ THU NHẬP KHÁ, GIÀU</b>
1	Danh sách 02 (mẫu 9.1): Danh sách rà soát, xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập, khá, giàu
2	Mẫu 9.2: Phiếu rà soát, xác định hộ gia đình có mức sống trung bình, có thu nhập khá, giàu
3	Hướng dẫn phiếu rà soát, xác định hộ gia đình có mức sống trung bình, có thu nhập khá, giàu
4	Mẫu 9.3: Biên bản kết quả họp dân để thống nhất kết quả rà soát
5	Mẫu số 9.4. Danh sách hộ có mức sống trung bình sau khi rà soát
6	Mẫu số 9.5. Danh sách hộ có thu nhập khá, giàu sau khi rà soát

**Phụ lục II**  
**MẪU BÁO CÁO TIẾN ĐỘ VÀ BÁO CÁO SƠ BỘ**  
**KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, RÀ SOÁT**  
(Kèm theo Kế hoạch số **113** /KH-UBND ngày **15/9/2023**  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải)

STT	Nội dung
1	<b>Phụ lục số 10:</b> Báo cáo tiến độ điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2022
2	<b>Phụ lục số 11:</b> Tổng hợp sơ bộ kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu

**Phụ lục III**  
**HỆ THỐNG BIỂU MẪU, TỔNG HỢP BÁO CÁO CHÍNH THỨC**  
**KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, RÀ SOÁT**

*(Kèm theo Kế hoạch số 113 /KH-UBND ngày 15/9/2023  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải)*

STT	Nội dung
<b>I</b>	<b>BIỂU MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO</b>
1	Mẫu số 02: Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo
2	Mẫu số 7.1: Tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo
3	Mẫu số 7.2: Tổng hợp diễn biến hộ nghèo trong năm
4	Mẫu số 7.3: Tổng hợp diễn biến hộ cận nghèo trong năm
5	Mẫu số 7.4: Phân tích các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo
6	Mẫu số 7.5: Phân tích tỷ lệ các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo
7	Mẫu số 7.6: Phân tích các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo
8	Mẫu số 7.7: Phân tích tỷ lệ các chỉ số thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản của hộ cận nghèo
9	Mẫu số 7.8: Phân tích hộ nghèo theo các nhóm đối tượng
10	Mẫu số 7.9: Phân tích hộ nghèo theo các nhóm dân tộc
11	Mẫu số 7.10: Phân tích hộ nghèo theo các nguyên nhân nghèo
12	Mẫu số 7.11: Tổng hợp chỉ số thiếu hụt của trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo
13	Phụ lục 8A: Tổng hợp kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo
14	Phụ lục 8B: Tổng hợp kết quả điều tra, rà soát hộ cận nghèo
15	Phụ lục số 12: Danh sách quản lý hộ nghèo, HCN của UBND cấp xã
16	Phụ lục số 13: Danh sách quản lý nhân khẩu thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo của UBND cấp xã

STT	Nội dung
<b>II</b>	<b>BIỂU MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐIỀU TRA, RÀ SOÁT HỘ CÓ MỨC SỐNG TRUNG BÌNH, HỘ CÓ THU NHẬP KHÁ, GIÀU</b>
1	Mẫu số 9.6: Quyết định công nhận danh sách hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu của UBND cấp xã
2	Mẫu số 9.7: Tổng hợp kết quả điều tra, rà soát hộ có mức sống trung bình
3	Mẫu số 9.8: Tổng hợp kết quả điều tra, rà soát hộ có thu nhập khá
4	Mẫu số 9.9: Tổng hợp kết quả điều tra, rà soát hộ có thu nhập giàu
<b>III</b>	<b>MẪU BÁO CÁO CHUNG</b>
1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mẫu 02: Quyết định phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.</li> <li>- Mẫu 9.6: Quyết định công nhận danh sách hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2023.</li> </ul>
2	Mẫu số 04: Báo cáo tổng kết công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ có mức sống trung bình, hộ có thu nhập khá, giàu năm 2023